

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 50/2017/HS-ST

Ngày: 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn, Nghề nghiệp: Cán bộ;

Nơi công tác: Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Hà Giang;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng; nghề nghiệp: Cán bộ hưu;

Nơi cư trú Tổ 1 phường Trần Phú, TP Hà Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh, Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 29/9/2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2017/HSST ngày 30/8/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST-HS ngày 15/9/2017 đối với bị cáo:

Vừ Mí X; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/9/1993 tại xã G, huyện M, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; con ông: Vừ Mí T – Sinh năm 1961 và bà: Vàng Thị S (Đã chết); anh, chị, em ruột: Gia đình bị cáo có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ: Giàng Thị P - Sinh năm 1995 và con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 20/5/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tam giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ Mí X:* Bà Nguyễn Thị Thanh H – Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Sùng Mí D, sinh năm: 1990. Trú tại: Thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Sùng Mí V - Sinh 1992. Có mặt;
2. Sùng Mí P - Sinh 1972 . Có mặt;
3. Vừ Mí T - Sinh 1998. Có mặt;
4. Vừ Mí G2- Sinh 1986. Có mặt;
5. Vừ Mí C- Sinh 1992. Có mặt;
6. Vừ Mí S- Sinh 1992. Có mặt;
7. Giàng Mí C- Sinh 1994. Vắng mặt tại địa phương;
8. Sùng Mí S - sinh 2002. Vắng mặt tại địa phương;
9. Vừ mí G1 - Sinh 1989. Vắng mặt tại địa phương;
10. Sùng Mí N - Sinh 1997. Vắng mặt tại địa phương;
11. Giàng Mí X - Sinh. Vắng mặt tại địa phương;
12. Vừ Mí G- Sinh 2002 . Vắng mặt tại địa phương;
13. Giàng Mí G- Sinh . Vắng mặt tại địa phương;
14. Giàng Mí L- Sinh 1990 . Vắng mặt tại địa phương;
15. Vừ Mí D- Sinh. Vắng mặt tại địa phương;
16. Giàng Mí N - Sinh 1986. Vắng mặt tại địa phương;
17. Giàng Mí T- Sinh 1995. Vắng mặt tại địa phương.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Giàng Cò S - Trú tại tổ 4 phường Minh Khai thành phố Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2015, Vừ Mí X, sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Hà Giang đi sang Trung Quốc làm thuê và quen biết một người Trung Quốc tên là Vàng Khuyển S (*không biết tuổi, địa chỉ*). Qua trao đổi S bảo với X về Việt Nam tìm người sang Trung Quốc làm thuê cho Sầu, công việc là đào hố, trồng cây, S sẽ cho ứng trước tiền công lao động cho ai có nhu cầu. Nếu tìm được người thì tiền công lao động của X sẽ được trả cao hơn những người khác 10 NDT/ngày. X nhận lời và được S đưa cho 500NDT (*Năm trăm nhân dân tệ*) tiền xăng xe đi lại tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê.

Từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2017, Vừ Mí X đã tổ chức 03 lần đưa tổng số 17 người là công dân huyện M, tỉnh Hà Giang đi nước ngoài (Trung Quốc) làm thuê, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 3/2015, sau khi nhận lời từ Vàng Khuyển S, Vừ Mí X về Việt Nam, đến gặp Sùng Mí N - sinh năm 1997, Giàng Mí X, Sùng Mí V - sinh năm 1992 (*cùng trú tại xã G, huyện M*) để vận động họ đi Trung Quốc làm thuê, X nói với những người này công việc sang làm thuê là đào hố, trồng cây, tiền công là 80 NDT/ngày, ai đồng ý đi thì sẽ được ứng trước tiền công. Biết việc X đang tìm người đi Trung Quốc làm thuê có Sùng Mí P - sinh năm 1972, Vừ Mí G - sinh năm 2002, Giàng Mí G, Giàng Mí L - sinh năm 1990 (*cùng trú tại xã G, huyện M*) đến xin cùng đi. Sau khi có được 07 người trên, X liên lạc với Vàng Khuyển S thông báo đã tìm được người và họ có nhu cầu ứng tiền công lao động trước, S hẹn với X đến chợ Thượng Phùng - Trung Quốc để lấy tiền, S đưa cho X 7.000 NDT (*Bảy nghìn nhân dân tệ*), X cầm tiền về ứng trước cho Sùng Mí N, Giàng Mí X, Sùng Mí V, Giàng Mí G và Giàng Mí L mỗi người 1.000NDT (*Một nghìn nhân dân tệ*), cho Sùng Mí P và Vừ Mí G mỗi người ứng 500NDT (*Năm trăm nhân dân tệ*), còn lại 1.000NDT (*Một nghìn nhân dân tệ*) Vừ Mí X sử dụng vào mục đích cá nhân.

Khoảng hai tuần sau Vừ Mí X đi xe máy của Xá (*loại xe Win đã cũ không nhớ biển kiểm soát*) từ nhà đến địa điểm đã hẹn và đưa tất cả 07 người gồm: Sùng Mí N, Giàng Mí X, Sùng Mí V, Giàng Mí G, Giàng Mí L, Sùng Mí P và Vừ Mí G vượt biên (*thuộc địa phận xã T, huyện M*) sang Trung Quốc giao cho Vàng Khuyển S và X cùng đi làm thuê, không làm giấy thông hành xuất nhập cảnh. Làm việc được 3 tháng, đến tháng 8/2015 X cùng những người trên về Việt Nam và được thanh toán tiền công lao động đầy đủ.

Lần thứ hai: Đến tháng 9/2016 Vừ Mí X gặp Vừ Mí T - sinh năm 1998 , Vừ Mí G1 - sinh năm 1989, Giàng Mí N - sinh năm 1986 cùng trú tại xã G, huyện M để rủ những người này đi Trung Quốc làm thuê, công việc là đào hố, trồng cây, tiền công là 90NDT/ngày (*chín mươi nhân dân tệ/ngày*), ngoài ra có Vừ Mí G2 - sinh năm 1986, Vừ Mí D, Vừ Mí C (*cùng trú tại thôn C, xã G, huyện M*) biết X tìm người đi Trung Quốc làm thuê nên đã gọi điện thoại cho X xin cùng đi. Có được 06 người trên, X liên lạc với Vàng Khuyển S để nhận tiền công lao động ứng trước, S đưa cho X 13.000NDT (*Mười ba nghìn nhân dân tệ*), X ứng trước cho Vừ Mí G2, Vừ Mí T, Vừ Mí G1 và Vừ Mí C mỗi người 2.000NDT (*Hai nghìn nhân dân tệ*), Giàng Mí N 2.500NDT (*Hai nghìn năm trăm nhân dân tệ*) Vừ Mí D 1.500NDT (*Một nghìn năm trăm nhân dân tệ*), còn 1.000NDT X sử dụng vào việc cá nhân. X hẹn mọi người lên mốc biên giới tập trung chờ X. Như đã hẹn, X đi xe máy (*xe Win đã cũ không nhớ biển kiểm soát*) đến mốc biên giới 462 (*thuộc địa phận xã X, huyện M*) chờ số người đi Trung Quốc làm thuê gồm 06 người: Vừ Mí T, Vừ Mí G1, Giàng Mí N, Vừ Mí G2, Vừ Mí D, Vừ Mí C tự thuê một xe ô tô đến sau. Trong số 06 người này có Vừ Mí G2, Vừ Mí T, Vừ Mí G1, Vừ Mí C có làm giấy thông hành xuất nhập cảnh qua biên giới nên đến Đồn S - Bộ Chỉ huy Bộ đội

Biên phòng tỉnh Hà Giang đóng dấu xuất cảnh, còn Giàng Mí N và Vừ Mí D không làm sổ thông hành. Sau khi tập trung đủ X tiếp tục đưa số người này sang Trung Quốc giao cho S rồi X cùng đi làm thuê và được trả tiền công lao động đầy đủ. Đến tháng 12/2016 Vừ Mí X cùng 06 công dân có tên trên cùng trở về Việt Nam.

Lần thứ ba: Đầu tháng 3/2017 Vừ Mí X tiếp tục gặp và vận động Giàng Mí C - sinh năm 1994, Giàng Mí T (*cùng trú tại thôn N, xã G, huyện M*), Vừ Mí S - sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã G, huyện M đi Trung Quốc làm thuê, công việc là đào hố, trồng cây, tiền công là 100NDT/người/ngày, ngoài ra còn có Sùng Mí S - sinh năm 2002, Sùng Mí N - sinh năm 1997 (*cùng trú tại thôn N, xã G, huyện M*) biết Vừ Mí X tìm người đi Trung Quốc làm thuê nên đến để xin cho đi cùng). Sau khi có được 05 người này X liên lạc với Vàng Khuyển S và được S đưa cho 10.000NDT (*Mười nghìn nhân dân tệ*) tiền công lao động ứng trước cho mọi người. X cầm tiền về cho Vừ Mí S ứng trước 1.000NDT và 3.800.000^d tiền Việt Nam; Sùng Mí N 2.500NDT; Giàng Mí C 1.500NDT; Giàng Mí T 2.000NDT còn Sùng Mí S không nhận tiền ứng trước. Số tiền còn lại 1.850NDT X chi tiêu vào việc cá nhân hết 1.000NDT, số tiền còn lại giao nộp cho Cơ quan điều tra 850NDT.

Ngày 28/3/2017, Vừ Mí X dùng xe máy (*loại xe Wave RSX màu đỏ, BKS 23B2 -166.24 mượn của Sùng Mí D, sinh năm 1990 trú tại thôn N, xã G*) đưa 05 người gồm: Vừ Mí S, Sùng Mí N, Giàng Mí C, Giàng Mí T và Sùng Mí S đến biên giới thuộc địa phận xã T, huyện M rồi đi sang Trung Quốc giao cho Vàng Khuyển S, lần này X không đi làm thuê mà quay về Việt Nam, X được S cho 200NDT tiền công tìm người. Tất cả 05 người đi lần này không ai làm giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định. S đưa 05 người trên để đi vào địa điểm lao động nhưng chưa kịp đến nơi thì bị Công an Trung Quốc bắt giữ, đến ngày 16/5/2017 được trao trả về Việt Nam.

Tại bản Cáo trạng số 15/KSĐT ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Vừ Mí X về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vừ Mí X thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo Vừ Mí X phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo đã rủ rê và 3 lần tổ chức đưa 17 người sang Trung quốc lao động theo thỏa thuận với ông Vàng Khuyển S người Trung Quốc

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang rút một phần quyết định truy tố về áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015 để áp dụng khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn theo hướng có lợi cho bị cáo vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 3 lần tổ chức cho 17 người trốn đi nước ngoài trái phép

không thuộc khoản 2 Điều 349 mà thuộc trường hợp quy định khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt nặng hơn. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố : bị cáo Vũ Mí X phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Mí X từ 5 đến 6 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam

3. Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 850 nhân dân tệ.

4. Án phí: buộc bị cáo Vũ Mí X phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định .

Người bào chữa cho bị cáo trình bày : Về tội danh Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 BLHS là đúng người đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì những lý do sau:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, những người bị cáo đưa sang Trung quốc lao động đều đã trở về và được trả tiền công đầy đủ, hậu quả gây ra không lớn là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 47 BLHS xử phạt bị cáo từ 3 đến 4 năm tù.

- Bị cáo là người dân tộc thiểu số gia đình có khó khăn, là lao động chính, trình độ nhận thức hạn chế, trong số người đi sang Trung Quốc lao động có người do bị cáo rủ rê, có người biết và xin bị cáo cho đi cùng

Những người làm chứng khai về việc Vũ Mí X tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài như sau:

Đối với 9 người: Sùng Mí N, Giàng Mí X, Sùng Mí V, Vũ mí T, Vũ Mí G1, Giàng Mí N, Giàng Mí C, Giàng Mí T, Vũ Mí S đều khai nhận do Vũ Mí X rủ đi Trung quốc làm thuê công việc đào hố trồng cây với mức công lao động 80 đến 90 nhân dân tệ/ngày/người nên mọi người nhất trí đi và được Vũ Mí X ứng trước tiền công lao động trước khi sang Trung Quốc làm thuê cụ thể:

1. Sùng Mí N 1.000NDT
2. Giàng Mí X 1.000NDT
3. Sùng Mí V 1.000NDT
4. Vũ Mí T 2.000NDT
5. Vũ Mí G1 2.000NDT
6. Giàng mí N 2.500NDT
7. Giàng Mí C 1.500NDT
8. Giàng mí T 2.000NDT
9. Vũ Mí S 1.000NDT và 3.800.000VND

Đối với 8 người: Sùng mí P, Vũ Mí G, Giàng Mí G, Giàng Mí L, Vũ Mí G2, Vũ Mí D, Vũ Mí C, Sùng Mí N (đi 2 lần), Sùng Mí S đều là người cùng xã với Vũ Mí X nên khi biết Vũ Mí X tìm người đi Trung Quốc lao động đã gọi điện cho Vũ Mí X xin đi cùng, Vũ Mí X nhất trí và ứng trước tiền công lao động trước khi đi sang Trung Quốc cụ thể :

1. Sùng Mí P 500NDT
2. Vừ Mí G 500NDT
3. Giàng mí G 2.000NDT
4. Giàng Mí L 1.000NDT
5. Vừ Mí G2 2.000NDT
6. Vừ Mí C 2.000NDT
7. Sùng Mí N 2.500NDT
8. Vừ Mí D 1.500NDT

Riêng Sùng Mí S không nhận tiền ứng trước.

Vừ Mí X đã tổ chức cho 17 người cùng đi sang Trung Quốc trong đó có 4 người Vừ Mí C, Vừ Mí G, Vừ Mí T, Vừ Mí G2 làm giấy thông hành xuất cảnh qua đồn biên phòng S, số còn lại không làm thủ tục giấy thông hành xuất cảnh. Trong quá trình lao động ở Trung Quốc không bị đánh đập gì được ông chủ nuôi ăn và trả đủ công lao động và đều đã trở về Việt Nam.

Tại phiên tòa hôm nay những người làm chứng có mặt đều khai nhận được Vừ Mí X đưa sang Trung Quốc làm thuê như lời khai nhận của bị cáo Vừ Mí X tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang rút một phần Quyết định truy tố về áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015 để áp dụng khoản 2 Điều 349 BLHS 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn theo hướng có lợi cho bị cáo vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 3 lần tổ chức cho 17 người trốn đi nước ngoài trái phép không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 349 mà thuộc trường hợp quy định khoản 3 Điều 349 BLHS 2015 có khung hình phạt nặng hơn từ 7 đến 15 năm tù là có căn cứ và phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Vừ Mí X thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo Vừ Mí X phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai trong giai đoạn điều tra từ bút lục 167 đến bút lục 180, phù hợp với lời khai của những người làm chứng trong quá trình điều tra từ bút lục 205 đến bút lục 252 cũng như tại phiên

tòa và các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như : Biên bản tạm giữ đồ vật (BL 62) đã thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2017 Vừ Mí X đã có hành vi rủ rê và 3 lần tổ chức cho 17 công dân của xã G huyện M đi nước ngoài Trung quốc lao động làm thuê. Lần thứ nhất đưa 7 người gồm: Sùng Mí N, Giàng Mí X, Sùng Mí V, Sùng Mí P, Vừ Mí G, Giàng Mí G, Giàng Mí L đi qua đường biên giới thuộc địa phận xã T, huyện M sang Trung Quốc giao cho Vàng Khuyển S người Trung Quốc và được Vàng Khuyển S ứng trước 7.000NDT. Số tiền này Vừ Mí X đã ứng cho Sùng Mí N, Giàng Mí X, Sùng Mí V, Giàng Mí G, Giàng Mí L mỗi người 1.000NDT còn Sùng Mí P và Vừ Mí G mỗi người 500NDT còn lại 1.000NDT Vừ Mí X sử dụng cho cá nhân. Lần thứ 2 đưa 6 người gồm: Vừ Mí T, Vừ Mí G1, Giàng Mí N, Vừ Mí G2, Vừ Mí D, Vừ Mí C đi theo đường biên giới qua cột mốc 462 xã X huyện M sang Trung Quốc giao cho Vàng Khuyển S người Trung Quốc và được Vàng Khuyển S ứng trước 13.000NDT. Số tiền này Vừ Mí X đã ứng cho Vừ Mí G2, Vừ Mí T, Vừ Mí G1, Vừ Mí C mỗi người 2.000NDT, Giàng Mí N 2.500NDT, Vừ Mí D 1.500NDT còn lại 1.000NDT Vừ Mí X chi tiêu cho cá nhân. Lần thứ 3 đưa 5 người gồm Giàng Mí C, Giàng Mí T, Vừ Mí S, Sùng Mí N, Sùng Mí S đi bằng xe máy theo đường biên giới thuộc xã T huyện M sang Trung Quốc giao cho Vàng Khuyển S người Trung Quốc và được Vàng Khuyển S ứng trước 10.000NDT. Số tiền này Vừ Mí X đã ứng cho Giàng Mí C 1.500NDT, Giàng Mí T 2.000NDT, Vừ Mí S 1.000NDT và 3.800.000đ tổng cộng là 2.150 NDT, Sùng Mí N 2.500NDT , số tiền còn lại 1.850NDT Vừ Mí X chi tiêu cá nhân 1.000NDT còn lại 850NDT đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo Vừ Mí X là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý của nhà nước về lĩnh vực xuất nhập cảnh, xâm phạm đến trật tự an ninh biên giới. Mặc dù bị cáo không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho việc tuyển người và đưa người lao động ra nước ngoài làm việc nhưng bị cáo Vừ mí X đã đứng ra trao đổi, thống nhất và nhận lời với Vàng Khuyển S (Người Trung Quốc) về việc tìm người và tổ chức đưa người sang Trung Quốc cho Vàng Khuyển S nhằm mục đích hưởng lợi từ số tiền công lao động được Vàng Khuyển S ứng tiền và trả tiền công lao động cao hơn những người khác và hứa trả 200 nhân dân tệ công tìm được một người lao động. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2017 Vừ Mí X đã có hành vi rủ rê và 3 lần tổ chức cho 17 công dân của xã G huyện M đi nước ngoài Trung Quốc lao động làm thuê, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS 1999. Vì vậy Cáo trạng số 15/KSĐT ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Vừ Mí X về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, quan điểm về áp dụng điều luật và mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Vừ Mí X là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4]. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc tổ chức người khác ra nước ngoài khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới được phép tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với nước ngoài. Mặc dù trong số 17 người bị cáo đưa sang Trung quốc làm thuê có 4 người làm thủ tục xuất cảnh qua đồn biên phòng S nhưng khi nhập cảnh vào Trung Quốc cũng không làm các thủ tục nhập cảnh theo quy định của nước sở tại và trong thời gian ở Trung Quốc cũng không khai báo với chính quyền địa phương, khi trở về Việt Nam cũng không làm thủ tục nhập cảnh nên hành vi tổ chức cho 17 công dân sang Trung Quốc lao động của bị cáo là trái quy định của pháp luật. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện sống và làm việc theo pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này đang xảy ra rất phức tạp tại địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Hà Giang nói riêng. Tuy nhiên khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của bị cáo tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là để được hưởng mức tiền công lao động cao hơn, những người được bị cáo tổ chức trốn ra nước ngoài đều là người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm để tăng nguồn thu nhập cho gia đình. Trước khi 17 người sang Trung quốc làm thuê có 16 người đã được ứng trước tiền công lao động và quá trình lao động đã được thanh toán tiền công đầy đủ và đã trở về Việt Nam nên hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng Điều 47 cho bị cáo .

[5]. Về hành vi xuất nhập cảnh trái phép của bị cáo Vũ Mí X đã bị cơ quan công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính với hình thức Cảnh cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại WEVERSX màu sơn đỏ đen biển kiểm soát 23B1-166.24 và đã trả lại cho chủ phương tiện ông Sùng Mí D trú tại: Thôn N, xã Giàng C, huyện M, tỉnh Hà Giang nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 30.000 nhân dân tệ do ông Vàng Khuyển S 3 lần đưa cho Vũ Mí X để ứng tiền công lao động cho người đi làm thuê đã được Vũ Mí X đưa cho 16 người với số tiền 26.150 nhân dân tệ và Vũ Mí X đã chi tiêu cá nhân hết 3000 nhân dân tệ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với số tiền này. Đối với số tiền 850 nhân dân tệ bị cáo nộp trong giai đoạn điều tra là số tiền liên quan việc tìm người đưa sang Trung Quốc cho Vàng Khuyển S (Người Trung Quốc), vì vậy áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41BLHS, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7]. Bị cáo Vừ Mí X phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Vừ Mí X phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

[2]. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS Xử phạt bị cáo Vừ Mí X 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam 20/5/2017.

[3]. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS, căn cứ điểm c khoản 2 điều 76 BLTTHS tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 850 (*Tám trăm năm mươi*) nhân dân tệ theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an tỉnh và cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 31/8/2017.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vừ Mí X phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV 27; PA92;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA